BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3002 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ Công văn số 5790/BCT-KH ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 1399/UBND-CNN ngày 30 tháng 3 năm 2016 về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh mục này làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty

và Hiệp hội ngành nghề tiếp tục đề xuất với Bộ Công Thương để điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT; Y tế; GTVT; TT&TT; XD; KHCN;
- Ngân hàng Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các TĐ, TCT 90,91, CT thuộc Bộ;
- Website BCT;
- Lưu: VT, KH (3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Quốc Hưng

Phụ lục

DANH MỤC BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN TUẤN ÂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3002 /QĐ-BCT ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Mã số HS			Tên sản phẩm	Kí hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước (%)
	Nhóm	Phân nhóm				
1	8535	10	00	Cầu chì tự rơi (FCO) 100A - 27kV - Cách điện Polymer	FCO 2-1, 100A - 27kV - Cách điện Polymer	60%
2	8535	10	00	Cầu chì tự rơi (FCO) 100A - 27kV - Cách điện sứ	FCO 2-1, 100A - 27kV - Cách điện sứ	44%
3	8535	10	00	Cầu chì tự rơi (FCO) 200A - 27kV - Cách điện Polymer	FCO 2-2, 200A - 27kV - Cách điện Polymer	55%
4	8535	10	00	Cầu chì tự rơi (FCO) 200A - 27kV - Cách điện sứ	FCO 2-2, 200A - 27kV - Cách điện sứ	41%
5	8535	10	00	Cầu chì tự rơi (FCO) 100A - 38.5kV - Cách điện Polymer	FCO 3-1, 100A - 38.5kV - Cách điện Polymer	59%
6	8535	10	00	Cầu chì tự rơi (FCO) 100A - 38.5kV - Cách điện sứ	FCO 3-1, 100A - 38.5kV - Cách điện sứ	41%
7	8535	10	00	Cầu chì tự rơi cắt có tải (LBFCO) 100A-27kV-Cách điện Polymer	LBFCO 2-1, 100A-27kV-Cách điện Polymer	77%
8	8535	10	00	Cầu chì tự rơi cắt có tải (LBFCO) 100A-27kV-Cách điện sứ	LBFCO 2-1, 100A-27kV-Cách điện sứ	63%
9	8535	10	00	Cầu chì tự rơi cắt có tải (LBFCO) 200A-27kV-Cách điện Polymer	LBFCO 2-2, 200A-27kV-Cách điện Polymer	68%
10	8535	10	00	Cầu chì tự rơi cắt có tải (LBFCO) 200A-27kV-Cách điện sứ	LBFCO 2-2, 200A-27kV-Cách điện sứ	60%
11	8535	40	00	Chống sét van 12kV	LA 12-10, 12kV	53%
12	8535	40	00	Chống sét van 18kV	LA 18-10, 18kV	54%
13	8535	40	00	Chống sétvan 21kV	LA 21-10, 21kV	51%
14	8535	40	00	Chống sét van 24kV	LA 24-10, 24kV	50%
15	8535	40	00	Chống sét van 42kV	LA 42-10, 42kV	49%
16	8535	40	00	Chống sét van 48kV	LA 48- 10, 48kV	46%
17	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 1 pha - 1 cực 20A	MS100, 1 pha - 1 cực 20A	46%
18	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 1 pha - 1 cực 32A	MS100, 1 pha - 1 cực 32A	46%
19	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 1 pha - 1 cực 40A	MS100, 1 pha - 1 cực 40A	46%
20	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 1 pha - 1 cực 50A	MS100, 1 pha - 1 cực 50A	46%
21	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 1 pha - 1 cực 63A	MS100, 1 pha - 1 cực 63A	45%

TT	Mã số HS			Tên sản phẩm	Kí hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước (%)
	Nhóm	Phân nhóm				
22	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 1 pha - 2 cực 20A	MS100, 1 pha - 2 cực 20A	45%
23	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 1 pha - 2 cực 32A	MS100, 1 pha - 2 cực 32A	45%
24	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 1 pha - 2 cực 40A	MS100, 1 pha - 2 cực 40A	45%
25	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 1 pha - 2 cực 50A	MS100, 1 pha - 2 cực 50A	45%
26	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 1 pha - 2 cực 63A	MS100, 1 pha - 2 cực 63A	46%
27	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 3 pha - 3 cực 20A	MS100, 3 pha - 3 cực 20A	46%
28	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 3 pha - 3 cực 32A	MS100, 3 pha - 3 cực 32A	46%
29	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 3 pha - 3 cực 40A	MS100, 3 pha - 3 cực 40A	45%
30	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 3 pha - 3 cực 50A	MS100, 3 pha - 3 cực 50A	46%
31	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 3 pha - 3 cực 63A	MS100, 3 pha - 3 cực 63A	45%
32	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 3 pha - 4 cực 20A	MS100, 3 pha - 4 cực 20A	45%
33	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 3 pha - 4 cực 32A	MS100, 3 pha - 4 cực 32A	45%
34	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 3 pha - 4 cực 40A	MS100, 3 pha - 4 cực 40A	45%
35	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 3 pha - 4 cực 50A	MS100, 3 pha - 4 cực 50A	45%
36	8536	30	10	Máy cắt tự động (MCB) 3 pha - 4 cực 63A	MS100, 3 pha - 4 cực 63A	45%
37	8546	20	90	Kẹp nối bọc cách điện hạ thế (IPC) 95-35mm²	IPC 95-35, 95-35mm²	100%
38	8546	20	90	Kẹp nối bọc cách điện hạ thế (IPC) 95-70mm²	IPC 95-70, 95-70mm²	100%
39	8546	20	90	Kẹp nối bọc cách điện hạ thế (IPC) 95-95mm²	IPC 95-95, 95-95mm²	100%
40	8546	20	90	Kẹp nối bọc cách điện hạ thế (IPC) 120-120mm²	IPC 120-120, 120-120mm²	100%
41	8546	20	90	Kẹp nối bọc cách điện hạ thế (IPC) 185-150mm²	IPC 185-150, 185-150mm²	100%
42	8546	20	90	Kẹp nối bọc cách điện hạ thế (IPC) 95-240mm²	IPC 95-240, 95-240mm²	100%